

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 15: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN QUỲ HỢP

GIẢI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2020 ĐẾN NGÀY 31/12/2024

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 46/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

PHẦN A: SỬA ĐỔI

TT	ĐƯỜNG PHỐ	KHỐI (XÓM)	ĐOẠN ĐƯỜNG		TỶ BẰN ĐỎ	GỒM CÁC THỪA	MỨC GIÁ (Đ/m ²)	Ghi chú
			TỪ	ĐẾN				
I	Châu Quang							
1	Đường nhánh nối đường QL 48 C	xóm Đồng Nai			54	30, 32, 55, 56, 59, 60, 109, 111, 224	1.000.000	Xác định lại vị trí và phù hợp với các thửa tương đương, cùng tuyến đường
II	Nghĩa Xuân							
1	Đường xóm	xóm Dinh Phương			48	Các thửa đất ở còn lại bắm các trục đường xóm, trong ngõ hẻm	150.000	Phù hợp với các thửa tương đương, cùng tuyến đường
2	Đường xóm	xóm Dinh Phương	Từ nhà ông Sơn	Đất bà Thông	49	1...5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 14...18..20, 24...28, 30, 32, 33, 34, 37, 41, 43, 44, 48 và các thửa còn lại của tờ bản đồ bắm trục đường xóm	250.000	Phù hợp với các thửa tương đương, cùng tuyến đường

3	Đường liên xã	xóm Đình Phượng	Đất ông Huy	Đất ông Luân	54	108, 115...119, 123...125, 135...139, 150...153, 170, 179, 259...262 267, 268 và các thửa còn lại của tờ bản đồ băm trục đường liên xã	400.000	Phù hợp với các thửa tương đương, cùng tuyến đường
4	Đường xóm	xóm Đình Phượng	Đất ông Thoa	Ngã tư trạm xá	54	21, 34, 35...38, 58, 60, 63, 78, 80, 88, 89, 90, 91, 98, 99, 231, 258 và các thửa còn lại trong cùng cung đường	400.000	Phù hợp với các thửa tương đương, cùng tuyến đường
5	Đường xóm	xóm Đình Phượng, xóm Đột Và			54	32, 33, 55, 56, 57, 71...73, 75, 76, 77, 85...87, 95...97, 105, 107, 109, 110, 111, 112, 113, 121, 131, 163, 190, 193, 206, 240, 241242, 247, 270, 280, 280...282	300.000	Phù hợp với các thửa tương đương, cùng tuyến đường
6	Đường xóm	xóm Đình Phượng, xóm Đột Và			54	Các thửa đất ở còn trong tờ bản đồ bám các trục đường xóm, trong ngõ hẻm	150.000	Phù hợp với các thửa tương đương, cùng tuyến đường
7	Quốc lộ 48	Xóm Đình Phượng, Đoàn Kết	Từ đất ông Quang	Đất ông Đồng	55	92, 109, 123, 124, 144, 145, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 165, 166, 168, 169, 170, 171 và các thửa còn lại băm đường QL 48 trong cùng cung đường QL48	4.000.000	Phù hợp với các thửa tương đương, cùng tuyến đường
8	Đường xóm	Xóm Đình Phượng, Đoàn Kết			55	Các thửa còn lại trong tờ bản đồ, bám các trục đường xóm, trong ngõ hẻm	150.000	Phù hợp với các thửa tương đương, cùng tuyến đường

9	Đường QL 48 E	xóm Tàu	Đất ông Thê	Đất ông Hùng	87	2, 6, 7, 11, 17, 31, 33, 38, 39, 40, 44, 49, 50, 51, 62, 65, 66, 72, 73, 75, 77, 78, 81, 88, 89	400.000	Phù hợp với các thửa tương đương, cùng tuyến đường

Handwritten signature

PHẦN B: BỔ SUNG

TT	Đường phố, địa danh	Khối (xóm)	Đoàn đường		Tờ bản đồ	Gồm các thửa	Mức giá (Đ/m²)	Ghi chú
			Từ	Đến				
I Châu Cường								
1	Quốc lộ 48D	Bản Nhạng Thắm	Cầu địa giới	Hết Nhạng Thắm	45	49,50,5,44,45,46,47	600.000	Sót thừa
2	Quốc lộ 48D	Bản Nhội	Cuối Bản Thắm	Hết Bản Nhội	42	76,170,171,160	600.000	
3	Quốc lộ 48D	Bản Ngưỡng	Cuối Bản Nhội	Hết Bản Ngưỡng	11	387	600.000	
II Thị trấn								
1	Đường nhánh nối trục GT chính (QL 48C)	Khối Hợp Bình, Hợp	Ngã ba NHDT	Đường vào khối Hợp Hòa	9	162-164; 149; 150; 130; 129; 110; 126; 109; 95-97; 82-85	1.000.000	Sót thừa
III Nghĩa Xuân								
1	Đường QL 48 E	xóm Liên Xuân	Đất ông Luận	Bờ sông	22	56,59,66, 86, 133,134	400.000	Sót thừa
2	Quốc lộ 48	xóm Dinh Phụng	Ngã ba xóm Dinh Phụng		48	67, 96	1.800.000	
3	Quốc lộ 48	xóm Dinh Phụng	Ngã ba xóm Dinh Phụng	Đất bưu điện	49	50,51 và các thửa còn lại bám trục đường QL 48	5.000.000	
4	Đường xóm	xóm Dinh Phụng			49	8, 9, 10, 11, 12, 14, 15, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 31, 32, 43, 44, 45, 46, 47, 48 và còn lại của tờ bản đồ bám các trục đường xóm	200.000	
5	Đường xóm	xóm Mỏ Mới			50	1...3, 4, 6, 7, 10, 11, 13, 16, 17, 18, 25, 27, 30, 31, 33, 35, 36 và các thửa đất ở còn lại trong tờ bản đồ	100.000	
6	Đường xóm	xóm Dinh Phụng			54	284, 285	100.000	

TT	Đường phố, địa danh	Khối (xóm)	Đoàn đường		Tờ bản đồ	Gồm các thửa	Mức giá (Đ/m ²)	Ghi chú
			Từ	Đến				
7	Đường xóm	Xóm Dinh Phụng, Đoàn Kết			55	157,158	100.000	Sót thừa
8	Quốc lộ 48	Xóm Đoàn Kết	Từ nhà ông Nguyễn	Nhà văn hóa xóm	56	119,120,123,124	3.500.000	
9	Đường xóm	Xóm Đoàn Kết			56	109,110,113,114,115, 116	100.000	
10	Đường xóm	xóm Đột Vá			59	2, 3, 4, 8, 9, 12, 14...18, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 29, 30, 31, 33, 35, 36, 37, 38, 46, 47, 54, 60, 110, 111	200.000	
11	Đường QL 48 E	xóm Liên Xuân			62	2,4,112,113	450.000	Sót thừa
12	Đường liên xã	xóm Đột Vá			64	1,3,4,5, 7, 10,11,12, 14,15, 20,21, 22, 31, 25, 32, 36,46,47,48,49,50,51	200.000	
13	Đường xóm	xóm Đột Vá			64	24,65,72,75,110,111	100.000	
14	Quốc lộ 48	Xóm Liên Xuân, Thành Xuân	Nhà ông Hải	Cổng trường TH số 2	66	201,202,203	2.700.000	
15	Đường liên xã	xóm Chát			80	1, 2, 7, 9, 10, 13, 12, 14, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 24, 25, 26, 29, 33, 40, 48, 49, 53, 55, 63, 64, 73, 75, 77, 80, 84, 87, 90...94, 96, 97, 98, 101, 105, 110, 113, 115, 116,163 và các thửa nằm trên cùng tuyến đường	150.000	
16	Đường xóm	xóm Chát			80	78, 85, 89, 96, 103, 111 và các thửa đất ở còn lại bám đường ngõ hẻm trong xóm	100.000	

TT	Đường phố, địa danh	Khối (xóm)	Đoàn đường		Tờ bản đồ	Gồm các thửa	Mức giá (Đ/m ²)	Ghi chú
			Từ	Đến				
17	Đường xóm	xóm Hợp Xuân, xóm Mố			81	2, 3, 5, 7..10, 13, 15, 19, 25.27, 31, 34, 40...43, 45, 46, 50...55, 60..63 và tất cả các thửa đất ở còn lại bóm đường ngõ hẻm trong xóm	100.000	Sót thừa
18	Đường Liên Xã	Xóm Hợp Xuân, xóm Mố	Đất ông Tâm	Đất bà Hòa	82	1...5, 10, 14, 20, 21, 24, 31, 33, 34, 38, 39, 41, 42, 46, 53, 58, 80, 81	200.000	
19	Đường xóm	Xóm Hợp Xuân, xóm Mố			82	Các thửa 9, 11, 13, 17, 18, 29, 30, 35, 36, 37, 43, 44, 49, 69, 75...78 và các thửa đất ở còn lại bóm đường ngõ hẻm trong xóm	100.000	
20	Đường liên xã	xóm Kính	Đất ông Phụng	Đất ông Thề	86	1...5, 7, 10...13	150.000	Sót thừa
21	Đường xóm	xóm Kính, Tàu			86	Các thửa 6, 8, 9, 16, 17, 20, 21, 26, 27, 29, 31...35, 37, 42, 43, 44, 47, 48, 50, 52, 54, 57, 61...64.66 và Các thửa đất ở còn lại bóm đường ngõ hẻm trong xóm	100.000	
22	Đường QL 48 E	xóm Tàu	Đất ông Thề	Đất ông Hùng	87	2, 6, 7, 11, 17, 31, 33, 38, 39, 40, 44, 49, 50, 51, 62, 65, 66, 72, 73, 75, 77, 78, 81	500.000	
23	Đường xóm	xóm Tàu			87	1, 3, 5, 9, 10, 12, 19, 24, 26, 27, 35, 36, 42, 45, 48, 55, 56, 59, 74, 76, 80 và Các thửa đất ở còn lại bóm đường ngõ hẻm trong xóm	100.000	Sót thừa
24	Đường xóm	xóm Mố			88	1, 2, 5, 6, 7, 10, 13..16, 18, 19, 20, 22, 23, 27, 29, 32, ...39 và Tất cả các thửa đất ở còn lại bóm đường ngõ hẻm trong xóm	100.000	
25	Đường xóm	xóm Mố			89	1, 2, 4, 5, 7, 8, 9, 11, 13, 14, 16, 20, 22, 24, 25, 27, 33, 35, 36 và Tất cả các thửa đất ở còn lại bóm đường ngõ hẻm trong xóm	100.000	Sót thừa

TT	Đường phố, địa danh	Khối (xóm)	Đoàn đường		Tờ bản đồ	Gồm các thửa	Mức giá (Đ/m ²)	Ghi chú
			Từ	Đến				
26	Đường xóm	xóm Kính, Tàu			90	4, 5, 7, 8, 12, 14, 17, 18, 21, 23, 24, 27, 31...34, 36, 39, 40 và Tất cả các thửa đất ở còn lại bám đường ngõ hẻm trong xóm	100.000	Sót thửa
27	Đường xóm	xóm Kính, Tàu			91	1, 5, 8, 10..13, 15, 19, 20, 22, 27, 33, 34, 36, 42, 43, 47, 49, 50, 52, 5459, 61..64 và Tất cả các thửa đất ở còn lại bám đường ngõ hẻm trong xóm	150.000	Sót thửa
28	Đường QL 48 E	xóm Tàu	Đất ông Tứ	Đất ông Bình	92	6, 7, 10, 12, 13, 16, 17, 22, 25, 29, 30, 36, 37, 41, 42, 52, 54, 59, 60, 67, 68, 69, 71, 77, 82	350.000	
IV	Minh Hợp							
1	Đường QL 48E	Minh Tâm	Nhà Ông Nguyễn Đình Triền	Ngã ba Minh Thọ	13	203, 244, 231, 230, 399, 242, 243, 252, 265	400.000	Sót thửa
2	Đường liên xã (từ Cổng chào 3/2 đến đường tỉnh lộ 531B)	Minh Cao	Sân Bóng xã	Giaps đường tỉnh lộ 531B xóm Minh	95	79, 80, 82	200.000	
3	Đường xóm	X. Minh Tâm			89	82, 83	100.000	
					93	1, 3, 47, 48, 49	100.000	
4	Đường xóm	X. Minh Xuân			83	75	100.000	Sót thửa
5	Đường xóm	Minh Thành			112	39 ...46	100.000	
					124	4448	100.000	
6	Đường xóm	Minh Thọ (Thọ Thành)			20	147, 148, 153	100.000	Sót thửa
					109	2, 3, 5, 8...30, 32	100.000	

TT	Đường phố, địa danh	Khối (xóm)	Đoàn đường		Tờ bản đồ	Gồm các thửa	Mức giá (Đ/m ²)	Ghi chú
			Từ	Đến				
7	Đường Xóm	Mình Kinh			131	59...63	100.000	Sót thừa
8	Đường Xóm	Mình Chùa			133	.69...72	100.000	
V	Tam Hợp							
1	Đường QL 48	Xóm Dinh, Tân Mỹ, Hợp Tâm	Cầu Dinh	Đường vào xóm Hợp Tâm	83	213, 218	3.000.000	Sót thừa
					76	203, 204, 208, 216, 217, 228, 229	3.000.000	
					29	195 ... 201	3.000.000	
					75	210 ... 212, 217, 218, 233 ... 236	2.000.000	
2	Đường QL 48C	Tân Mỹ	Từ ngã ba sáng lè	Công trường THPT Quý Hợp 2	76	224 ... 226	2.000.000	
					75	210 ... 212, 217, 218, 233 ... 236	2.000.000	
					33	3, 13, 20, 24, 37, 50, 59, 61 ... 64, 66, 81, 84, 85	1.200.000	
					34	50, 51, 59 ... 62, 77, 78, 85, 96, 100	1.200.000	
3	Đường QL 48	Xóm Hợp Tâm, Sơn Thành, Tân Sơn, Bắc Sơn	Xóm Hợp Tâm	Xóm Tân Thành	37	106 ... 113	1.200.000	Sót thừa
					76	205, 206, 210, 211, 214, 215, 230	1.200.000	
					68	159 ... 163, 166 ... 173, 198, 190 ... 199, 180 ... 182, 175 ... 178, 152, 187 ... 189, 185,	1.200.000	
					65	131, 132, 137 ... 139, 144, 145, 161, 162	1.200.000	
4	Đường QL 48C	Tân Mỹ, Tân Mùng, Quyết Tiến	Công trường THPT Quý Hợp 2	Đường nối thực chính	57	193 ... 199, 188 ... 192	1.200.000	Sót thừa

TT	Đường phố, địa danh	Khối (xóm)	Đoàn đường		Tờ bản đồ	Gồm các thửa	Mức giá (Đ/m ²)	Ghi chú
			Từ	Đến				
5	Đường QL 48C	Tân Mỹ, Tân Mừng, Quyết Tiến	Công trường THPT Quỳnh Hợp 3	Đường nối trục chính	45	263, 264, 269, 279, 282 ... 285	1.200.000	Sót thừa
					76	224 ... 226	2.000.000	
					71	149 ... 155, 159	1.200.000	
					72	35, 133 ... 136, 138 ... 142, 150 ... 152,	1.200.000	
					73	120 ... 123, 125	1.200.000	
6	Đường QL 48C	Tân Tiến	Xóm Tân Tiến	Giáp đất xã Thọ Hợp và Châu Lộc	74	157 ... 162, 165 ... 167, 173, 174, 177	700.000	Sót thừa
					75	221, 223 ... 225, 228 ... 230	700.000	
					26	315 ... 318	700.000	
					19	178, 179, 180	700.000	
7	Đường QL 48C	Tân Tiến, Quyết Tiến	Xóm Quyết Tiến	Xóm Tân Tiến	79	55 ... 61	800.000	Sót thừa
					87	57 ... 62	800.000	
					70	118, 119, 121, 122, 144, 145	800.000	
					71	149 ... 155, 159	800.000	
8	Đường nhánh nối trục GT chính (QL 48)	Xóm Quyết Tiến, Vạn Tiến, Bảo An, Bắc Sơn	Điểm nối Đường QL 48C	Điểm nối đường QL 48	14	302	300.000	Sót thừa
					44	98, 122, 140, 144, 147, 166 ... 168, 176 ... 178, 195, 204, 218, 219, 230, 242, 243	300.000	
					45	87, 89, 108, 109, 112, 114, 117, 118, 134, 137, 138, 140...147, 162, 255, 270 ... 272, 274 ... 277	300.000	
9	Đường nhánh nối trục GT chính (QL 48)	Xóm Quyết Tiến, Vạn Tiến, Bảo An, Bắc Sơn	Điểm nối Đường QL 48C	Điểm nối đường QL 48	54	259, 260	300.000	Sót thừa
					55	119, 120	300.000	

TT	Đường phố, địa danh	Khối (xóm)	Đoàn đường		Tờ bản đồ	Gồm các thửa	Mức giá (Đ/m ²)	Ghi chú		
			Từ	Đến						
10	Đường nhánh nối trục GT chính (QL 48)	Xóm Quyết Tiến, Vạn Tiến, Bảo An, Bắc Sơn	Điểm nối Đường QL 48C	Điểm nối đường QL 48	56 63	118, 119 29, 43	300.000 300.000	Sót thừa		
11	Đường nhánh nối trục GT chính (QL 48)		Điểm nối Đường QL 48C	Điểm nối đường QL 48	64 71 72	14, 17 ... 19, 21 ... 23, 27 ... 29, 33, 38, 40 ... 42, 44 ... 51, 53, 57, 58, 62, 63, 94, 97, 102 ... 105 4, 5, 7, 8, 13, 14, 18, 20, 23, 34 ... 36, 40, 41, 52, 145, 146, 1	300.000 300.000 300.000		Sót thừa	
					84 29	63, 65, 70 ... 72 2, 25, 33, 35	400.000 400.000			Sót thừa
					12	Đường nhánh nối trục GT chính	Dinh			
13	Các vị trí còn lại	Vạn Tiến, Bảo An, Bắc Sơn, Tân						Sót thừa		
14	Các vị trí còn lại	Thành, Sơn Thành, Long Thành, Châu							Sót thừa	
15	Các vị trí còn lại	Thành, Nam Sơn, Châu Thành, Quyết Tiến, Hợp Tâm, Dinh, Tân Mùng, Tân Mỹ, Tân Tiến								Sót thừa
16	Các vị trí còn lại									
17	Các vị trí còn lại							Sót thừa		
18	Các vị trí còn lại								Sót thừa	
19	Các vị trí còn lại	Vạn Tiến, Bảo An, Bắc Sơn, Tân			54	261	100.000			Sót thừa
20	Các vị trí còn lại				55	100, 121 ... 124	100.000			
21	Các vị trí còn lại	Thành, Sơn Thành, Long Thành, Châu			57	200	100.000	Sót thừa		
22	Các vị trí còn lại				61	64	100.000		Sót thừa	

ĐỒNG NHẬN

TT	Đường phố, địa danh	Khối (xóm)	Đoàn đường		Tờ bản đồ	Gồm các thửa	Mức giá (Đ/m ²)	Ghi chú
			Từ	Đến				
23	Các vị trí còn lại	Thạnh, Quyết Tiến, Hợp Tâm, Đình, Tân Mùng, Tân Tiến, Bảo An, Bắc Sơn, Tân Thành, Sơn Thành, Long Thành, Châu Thành, Nam Sơn, Châu Thành, Quyết Tiến, Hợp Tâm, Đình, Tân Mùng, Tân Tiến			64	96, 99 ... 101	100.000	Sót thừa
24	Các vị trí còn lại				65	159, 163, 164	100.000	
25	Các vị trí còn lại				70	116, 117	100.000	
26	Các vị trí còn lại				71	147, 148, 157, 158	100.000	Sót thừa
27	Các vị trí còn lại				72	143 ... 145	100.000	Sót thừa
28	Các vị trí còn lại				74	154, 155, 163, 164, 171, 172, 175, 176	100.000	Sót thừa
29	Các vị trí còn lại				75	124, 219, 220, 232	100.000	Sót thừa
30	Các vị trí còn lại				76	218 223	100.000	Sót thừa
31	Các vị trí còn lại				82	52 ... 58	100.000	Sót thừa
32	Các vị trí còn lại				83	211, 212, 218	100.000	Sót thừa
33	Các vị trí còn lại				84	73, 73	100.000	Sót thừa
34	Các vị trí còn lại				85	49	100.000	Sót thừa
35	Các vị trí còn lại					Các vị trí còn lại trong các ngõ hẻm của các tờ bản đồ	100.000	Sót thừa
VI Châu Lý								
1	Quốc Lộ 48C	Bản Chợ	Vi Văn Hợp	Vi Văn Kỳ	33	5, 6, 17	500.000	Sót thừa
	Vị trí còn lại	Bản Bồn			32	3, 4	80.000	Sót thừa